TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 02 năm 2025
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Liêm.

Bà Trương Ánh Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Mai – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 631/2024/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ; Sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, ấp X L, xã Lý V L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trương Quốc N; Sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, ấp Xóm L, xã Lý L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Đ trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, tại bản tự khai như sau:

- Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Quốc N sống chung với nhau năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài, hiện chị và anh đã không sống chung với nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị Đ xin ly hôn với với anh Trương Quốc N.

- Về con chung: Có 01 người con chung cháu Trương Quốc Th, sinh ngày 16/04/2000, hiện cháu đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Anh Trương Quốc N:

Đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Trương Quốc N không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị Đẹp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt, Tòa án căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Quốc N xác lập mối quan hệ vợ chồng trên tinh thần tự nguyện từ năm 1998 cho đến nay; tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức.

Lý do chị Đ xin ly hôn là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Xét thấy tình cảm giữa anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cũng không mang lại hạnh phúc gia đình. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không công nhận chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Quốc N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung cháu Trương Quốc Th, sinh ngày 16/04/2000, hiện cháu đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị khai không có nợ ai và không ai nợ lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 8, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Quốc N là vợ chồng.
- Về con chung: Có 01 người con chung cháu Trương Quốc Th, sinh ngày 16/04/2000, hiện cháu đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.
- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Anh, chị khai không có nợ ai và không ai nợ lại.
- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng. Ngày 21/11/2024 chị Đ đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009740 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai chị Nguyễn Thị Đ và anh Trương Quốc N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ;*
- *Lưu Toà án Tp Cà Mau.*